|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN GIA LÂM** | **ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO 10** |
| **TRƯỜNG THCS ĐẶNG XÁ** | **MÔN: ĐỊA LÍ** **Năm học: 2020 - 2021** |
|  **ĐỀ 1** | *(Thời gian: 60 phút)* |

**Câu 1:** Dựa vào Át lat Địa lý Việt Nam trang 16: Các dân tộc ít ngưới chủ yếu sống tập trung ở :

A. Đồng bằng B. Miền núi C. Trung Du D. Duyên Hải

**Câu 2:** Đặc điểm nào đúng với nguồn lao động nước ta :

A. Dồi dào, tăng nhanh B. Tăng Chậm

C. Hầu như không tăng D. Dồi dào, tăng chậm

**Câu 3:** Dựa vào Atlat trang 15 ,Trong giai đoạn 1995 -2007 , lao động nước ta chủ yếu hoạt động trong các ngành kinh tế nào :

A. Nông – Lâm – Ngư Nghiệp B. Công nghiệp Xây dựng

C. Dịch vụ D. Cả 3 ngành trên

**Câu 4**: Công nghiệp khai thác than ở nước ta phân bố chủ yếu ở:

A. Thái Nguyên B. Cà Mau

C. Quảng Ninh D. Tuyên Quang

**Câu 5:** Ngành công nghiệp nào sau đây không có điều kiện phát triển mạnh ở vùng TD&MNBB:

A. Công nghiệp dệt may B. Công nghiệp khai thác khoáng sản

C. Công nghiệp năng lượng D. Công nghiệp chế biến thực phẩm

**Câu 6:** Cho bảng số liệu sau đây:

DÂN SỐ VÀ DIỆN TÍCH VÙNG ĐBSH VÀ CẢ NƯỚC NĂM 2006

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Địa phương | Dân số( nghìn người) | Diện tích(km2) |
| Cả nước | 84155,8 | 331212 |
| Đồng bằng sông Hồng | 18207,9 | 14863 |

Mật độ dân số của cả nước và Đồng bằng sông Hồng năm 2006 là:

A. 253 người/km2 và 1230 người/km2 B. 254 người/km2 và 1225 người/km2

C. 254 người/km2 và 1230 người/km2 D. 252 người/km2 và 1225 người/km2

**Câu 7**: Dựa vào Át lat Địa lý Việt Nam trang 15: Năm 2007 số dân sống trong các đô thị chiếm khoảng :

A. 23,37% B. 26 % C. 25% D. 27 %

**Câu 8:** Trong các tỉnh dưới đây, tỉnh không giáp biển là

A. Gia Lai. B. Bến Tre. C. Quảng Trị. D. Ninh Bình

**Câu 9:** Nguồn lao động nước ta dồi dào tăng nhanh ,mỗi năm tăng khoảng:

A. 1 triệu lao động B. 1,4 triệu lao động

C. 1.3 triệu lao động D. 1,5 triệu lao động

**Câu 10:** Đặc điểm nào sau đây là của quần cư thành thị ?

A. Xuất hiện sớm.

B. Các điểm dân cư nằm phân tán theo không gian.

C. Mức độ tập trung dân số cao.

D. Chức năng sản xuất nông nghiệp.

**Câu 11:** Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta là

A. phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ.

B. phát triển ngành thủ công nghiệp.

C. xây dựng các nhà máy công nghiệp quy mô lớn.

D. hợp tác lao động quốc tế để xuất khẩu.

**Câu 12:** Hoạt động kinh tế đối ngoại quan trọng nhất của nước ta hiện nay:

A. Xuất khẩu lao động B. Thu hút vốn đầu tư

C. Ngoại thương D. Du lịch quốc tế

**Câu 13:** Vùng có điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy hải sản ở nước ta:

A. Đồng bằng sông Cửu Long B. Duyên hải Nam Trung Bộ

C. Đồng bằng sông Hồng D. Bắc Trung Bộ

**Câu 14:** Dựa vào Át lat Địa lý Việt Nam trang 22,nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình được xây dựng trên sông:

A. Sông Đà B. Sông Lô C. Sông Hồng D. Sông Chảy

**Câu 15:** Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản phân bố chủ yếu ở:

A. đồng bằng B. nơi đông dân cư

C. các thành phố lớn D. vùng nguyên liệu

**Câu 16:** Dựa vào Át lat Địa lý Việt Nam trang 15: Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta đang có sự thay đổi như sau :

A. Tỉ lệ trẻ em giảm xuống

B. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động tăng lên

C. Tỉ lệ người trên độ tuổi lao động tăng lên

D. Tỉ lệ người dưới tuổi lao động giảm, tỉ lệ người trong và quá tuổi lao động tăng.

**Câu 17:** Nguồn lao động nước ta còn có hạn chế về:

A. Thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động

B. Nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn.

C. Kinh nghiệm sản xuất

D. Khả năng tiếp thu khoa học – kỹ thuật

**Câu 18:** Các đảo và quần đảo ở nước ta không thể hiện vai trò nào sau đây ?

A. Là hệ thống tiền tiêu bảo vệ tổ quốc.

B. Là hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương.

C. Là cơ sở để xây dựng các vườn quốc gia

D. Là cơ sở để khai thác hiệu quả các sinh vật biển.

**Câu 19:** Hạn chế lớn nhất để phát triển nông nghiệp của vùng Đông Nam Bộ :

A. Diện tích canh tác không lớn

B. Cơ sở vật chất kĩ thuật kém phát triển

C. Mùa khô kéo dài thiếu nước nghiêm trọng

D. Chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng

**Câu 20:** Nhân tố đóng vai trò quyết định tạo nên thành tựu to lớn của ngành nông nghiệp nước ta:

A. Điều kiện tự nhiên B. thị trường thế giới

C. Điều kiện kinh tế- xã hội D. ít thiên tai

**Câu 21:** Để hàng hóa nước ta có thế cạnh tranh được với thị trường thế giới và khu vực ,việc cần thiết là :

A. nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

B. chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế

C. giải quyết việc làm cho nhiều lao động

D. mở rộng thị trường ra các khu vực mới

**Câu 22:** Vùng chăn nuôi lợn thường gắn chủ yếu với:

A. Các đồng cỏ tươi tốt. B. Vùng trồng cây hoa màu.

C. Vùng trồng cây công nghiệp. D. Vùng trồng cây lương thực.

**Câu 23:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 29 ,hãy cho biết , tỉnh nào của ĐBSCL sau đây có diện tích gieo trồng lúa ít nhất:

A. Kiên Giang B. Cà Mau C. Đồng Tháp D. An Giang

**Câu 24:** Cho bảng số liệu: Tổng sản phẩm trong nước phân theo thành phần kinh tế nước ta ,giai đoạn 2010-2014 (tỉ đồng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2012 | 2013 | 2014 |
| Kinh tế nhà nước | 633 187 | 702 017 | 735 442 | 765 247 |
| Kinh tế ngoài nhà nước | 926 928 | 1060 587 | 1110 769 | 1175 73 |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 326 967 | 378 236 | 407 976 | 442 441 |

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2014?

1. kinh tế ngoài Nhà nước tăng chậm hơn kinh tế nhà nước.
2. tổng sản phẩm trong nước giữa các thành phần kinh tế tăng không đều.
3. kinh tế Nhà nước nhỏ hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

D. kinh tế Nhà nước tăng nhanh hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 25:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 22, Ngành dầu khí đã tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh /thành phố nào sau đây?

A. TP Hồ Chí Minh B. Bình Dương

C. Bà Rịa- Vũng Tàu D. Đồng Nai

**Câu 26:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 29,trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đông Nam Bộ là:

A. Thành phố Cần Thơ. B. Thành phố Hồ Chí Minh.

C. Thành phố Mĩ Tho. D. Thành phố Cao Lãnh.

**Câu 27:** Ý nào sau đây không phải là vai trò của ngành dịch vụ:

A. Tạo nhiều việc làm B. Nâng cao đời sống nhân dân

C. Đóng góp lớn vào GDP D. Tạo ra nhiều sản phẩm độc đáo

**Câu 28:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 29, trung tâm kinh tế -chính trị và du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long là :

A. Cần thơ B. Cà Mau C. Vĩnh Long D. Hậu Giang.

**Câu 29:** Khoáng sản biển quan trọng của nước ta:

A. muối, titan ,dầu khí ,cát trắng

B. muối, titan ,dầu khí ,cát trắng, crôm

C. muối, titan ,dầu khí ,cát trắng, than

D. titan ,dâù khí ,cát trắng, đồng.

**Câu 30:** ĐBSCL là vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước chủ yếu là do:

A. Diện tích đất phù sa lớn nhất cả nước

B. khí hậu nóng ẩm, lượng mưa dồi dào .

C. dân cư có trình độ thâm canh cao.

D. hệ thống thủy lợi hoàn thiện.

**Câu 31:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 22: Công trình thủy lợi lớn nhất nước ta hiện nay thuộc vùng Đông Nam Bộ là :

A. Thác Bà B. Trị An C. Hòa Bình D. hồ Dầu Tiếng

**Câu 32:** Trong thời gian qua diện tích trồng lúa không tăng nhiều nhưng sản lượng lúa tăng nhanh điều đó chứng tỏ:

A. Tình trạng độc canh cây lúa nước ngày cằng tăng.

B. Đã thoát khỏi tình trạng đọc canh cây lúa nước.

C. Nước ta đang đẩy mạnh thâm canh cây lúa nước.

D. Thâm canh tăng năng suất được chú trọng hơn mở rộng diện tích.

**Câu 33:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 29, hãy cho biết ,trung tâm công nghiệp nào sau đây ở vùng Đông Nam Bộ có giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 120 nghìn tỉ đồng?

A. Thành phố Hồ Chí Minh B. Biên Hòa

C. Vũng Tàu D. Thủ Dầu Một

**Câu 34:** Cho biểu đồ về lúa của ĐBSH và ĐBSCL qua các năm.



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Sản lượng lúa của ĐBSH và ĐBSCLqua các năm.

B. Cơ cấu diện tích lúa của ĐBSH và ĐBSCL qua các năm.

C. Diện tích lúa của ĐBSH và ĐBSCL qua các năm.

D. Cơ cấu sản lượng lúa của ĐBSH và ĐBSCL qua các năm.

**Câu 35:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 21: Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp năm phân theo nhóm ngành 2007, nước ta đã hình thành được mấy nhóm ngành công nghiệp?

A. 8 B. 9 C. 7 D. 3

**Câu 36:** Tây Nguyên là vùng:

A. Có độ che phủ rừng thấp B. Có một mùa đông lạnh

C. Giàu tài nguyên khoáng sản D. Có trữ năng thủy điện khá

**Câu 37:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 26:Đặc điểm nào sau đây không thuộc TDMNBB?

A. có số dân đông nhất so với các vùng khác.

B. có diện tích lớn nhất so với các vùng khác

C. có sự phân hóa thành hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc

D. giáp cả Trung Quốc và Lào

**Câu 38:** Phạm vi vùng tiếp giáp lãnh hải của nước ta (tính từ đường cơ sở ra phía biển) rộng khoảng

A. 10 hải lý. B. 12 hải lý. C. 15 hải lý. D. 24 hải lý.

**Câu 39:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 28:Các trung tâm công nghiệp chủ yếu của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. Đà Nẵng, Quy Nhơn , Nha Trang.

B. Đà Nẵng, Quy Nhơn, Phan Thiết

C. Nha Trang, Phan Thiết, Đà Nẵng

D. Nha Trang, Quy Nhơn, Phan Thiết

**Câu 40:** Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản phân bố chủ yếu ở:

A. đồng bằng B. nơi đông dân cư

C. các thành phố lớn D. vùng nguyên liệu

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN GIA LÂM** | **ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO 10** |
| **TRƯỜNG THCS ĐẶNG XÁ** | **MÔN: ĐỊA LÍ** **Năm học: 2020 - 2021** |
|  **ĐỀ 2** | *(Thời gian: 60 phút)* |

**Câu 1:** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 15, hãy cho biết những đô thị nào có quy mô dân số trên 1 triệu người:

A. Thành Phố HCM, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu .

B. Hà Nội , Đà Nẵng , Thành Phố Hồ Chí Minh

C. Hà Nội. Hải Phòng, Thành phố HCM .

D. Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ

**Câu 2:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 16,các dân tộc ít người sinh sống ở ĐBSCL là:

A.. Khơ me, Chăm, Hoa. B. Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.

C. Tày, Nùng, Thái D. Giáy, Dao, Mông.

**Câu 3:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 11,nhóm đất có diện tích lớn nhất ở ĐBSCL là:

A. Đất phèn B. Đất mặn.

C. Đất phù sa D. Đất cát ven biển

**Câu 4:** Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn nước ta là

A. ra thành phố tìm kiếm việc làm

B. tập trung thâm canh và tăng vụ

C. đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh ở nông thôn

D.phát triển ngành thủ công nghiệp ở nông thôn

**Câu 5:** Năm 2017 dân số nước đứng vào hàng thứ mấy so với dân số thế giới:

A.12 B.13 C. 14 D. 15

**Câu 6:** Trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, dân tộc Việt (Kinh) chiếm:

A. 86% số dân. B. 68% số dân. C. 84% số dân. D. 80% số dân.

**Câu 7:** Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với:

A. sự phát triển kinh tế

B. môi trường

C. chất lượng cuộc sống

D. sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống,tài nguyên môi trường

**Câu 8:** Dựa vào Át lat Địa lý Việt Nam trang 16: Các dân tộc ít ngưới chủ yếu sống tập trung ở :

A. Đồng bằng B. Miền núi C. Trung Du D. Duyên Hải

**Câu 9:** Nông nghiệp nước ta có thể trồng từ 2-3 vụ lúa, rau màu trong năm vì

A. nước ta có nguồn đất vô cùng quý giá

B. nước ta có tài nguyên sinh vật phong phú

C. nước ta có khí hậu nhiệt đới, gió mùa ẩm

D. nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc

**Câu 10:** Yếu tố nào tác động mạnh đến sự phân bố dịch vụ?

A. Giao thông vận tải phát triển

B. Nền kinh tế phát triển

C. Sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế

D. Vị trí địa lí thuận lợi

**Câu 11:** Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?

A. 51 B. 52 C. 53 D. 54

**Câu 12:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 22 ,Công trình thủy lợi lớn nhất nước ta hiện nay thuộc vùng Đông Nam Bộ là :

A. Thác Bà B. Trị An C. Hòa Bình D. hồ Dầu Tiếng

**Câu 13:** Cho bảng số liệu: Sản lượng thủy hải sản năm 2000 (đơn vị : tấn)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sản lượng | Cả nước | Đồng bằng sông Cửu Long |
| Tổng sản lượng | 2250499 | 1169060 |

Tỉ trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước là

A. 50%. B. 51%. C.51,9 %. D.  52%.

**Câu 14:** Hàng hóa nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng hóa xuất- nhập khẩu của nước ta năm 2007 là

A. nguyên, nhiên, vật liệu B. máy móc, thiết bị

C. công nghiệp nặng, khoáng sản D. công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp

**Câu 15:** Tài nguyên nước ở nước ta có một nhược điểm lớn là
A. chủ yếu là nước trên mặt, nguồn nước ngầm không có.

B. phân bố không đều giữa các vùng lãnh thổ.

C. phân bố không đều trong năm gây lũ lụt và hạn hán.

D. khó khai thác để phục vụ nông nghiệp vì hệ thống đê ven sông.

**Câu 16:** Người Việt (Kinh) phân bố chủ yếu ở đâu?

A.Đồng bằng, trung du, duyên hải. B. Miền Núi .

C .Hải đảo. D. Nước Ngoài.

**Câu 17:** Thuận lợi lớn nhất về chất lượng lao động của nước ta trong ngành nông nghiệp là:

A. tinh thần tương trợ lẫn nhau B. có nguồn lao động đông

C. có trình độ cao D. giàu kinh nghiệm

**Câu 18:** Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì

A. nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.

B. nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.

C. nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.

D. tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

**Câu 19:** Nông nghiệp nước ta mang tính mùa vụ vì
A. tài nguyên đất nước ta phong phú, có cả đất phù sa lẫn đất feralit.

B. nước ta có thể trồng được từ các loại cây nhiệt đới cho đến một số cây cận nhiệt và ôn đới.

C. khí hậu cận nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hóa theo mùa.

D. lượng mưa phân bố không đều trong năm .

**Câu 20:** Hai đầu mối giao thông quan trọng của nước ta là

 A. Hà Nội, Đà Nẵng. B. Hà Nội, Huế.

 C. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. D. Thành phố Hồ Chí Minh, Huế.

**Câu 21:** Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dich cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

A. Giảm tỉ trọng khu vực nông- lâm- ngư nghiệp.

B. Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

C. Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

D. Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển lớn nhất.

**Câu 22:** Tài nguyên sinh vật có ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp vì

A. cây trồng và vật nuôi là đối tượng hoạt động của nông nghiệp.

B. sinh vật là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của nông nghiệp.

C. đây là nguồn cung cấp hữu cơ để tăng độ phì cho đất.

D.thực vật là nguồn thức ăn quan trọng phục vụ chăn nuôi.

**Câu 23:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 25 ,địa danh du lịch biển nổi tiếng và lý tưởng ở Đông Nam Bộ là :

A. nhà tù Côn Đảo B. bãi tắm Vũng Tàu

C. địa đạo Củ Chi D. dinh Độc Lập

**Câu 24:** Sự tăng nhanh tỉ trọng cây công nghiệp trong cơ cấu giá trị ngành trồng trọt, điều đó

A. Lúa không còn là cây trồng chính ở nước ta.

B. Đã chấm dứt tình trạng độc canh cây lúa nước.

C. Nước ta đang phat huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới.

D. Nước ta có điều kiện thuận lợi trồng cây công nghiệp hơn là trồng lúa.

**Câu 25:** Ý nào sau đây không đúng khi so sánh Đông Nam bộ với các vùng kinh tế khác ở nước ta hiện nay?

A. Thu hút được nhiều nhất vốn đầu tư trong và ngoài nước.

B. Giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị xuất khẩu cao nhất

C. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển tốt nhất .

D. Lực lượng lao động dồi dào nhất cả nước

**Câu 26:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 29,ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là :

A. chế biến lương thực thực phẩm . B. cơ khí nông nghiệp.

C. sản xuất vật liệu xây dựng. D. sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 27:** Rừng ngập mặn đang bị suy giảm ở Đông Nam Bộ chủ yếu do :

A. cháy rừng B. lấy than củi và nuôi hải sản

C. xây khu công nghiệp D. phục vụ du lịch

**Câu 28:** Để hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay là :

A. Xây dựng hệ thống đê điều. B. Chủ động chung sống với lũ.

C. Tăng cường công tác dự báo lũ. D. Đầu tư cho các dự án thoát nước.

**Câu 29:** Nguy cơ lớn nhất gây ô nhiễm môi trường biển là :

A. việc đánh bắt cá ven bờ.

B. các phương tiện giao thông vận tải .

C. chất thải công nghiệp.

D. các sự cố tràn dầu.

**Câu 30:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 22, Nhà máy điện lớn nhất Đông Nam Bộ là:

A. Phú Mĩ B. Cần đơn C. Trị An D. Thác mơ

**Câu 31:** Sông ngòi ở Đồng bằng sông Cửu Long không có giá trị kinh tế nào sau đây:

A. Thủy lợi B. Thủy điện C. Du lịch D. Giao thông

**Câu 32:** Nghề làm muối của nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng ven biển thuộc

A. Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Nam Trung Bộ.

**Câu 33:** Những thùng dầu đầu tiên được khai thác ở vùng thềm lục địa phái Nam của nước ta vào năm

A. 1966 B. 1976 C. 1986 D. 1996

**Câu 34:** Cảng không phải cảng biển là

A. Đà Nẵng B. Cần Thơ C. Vũng Tàu D. Quy Nhơn

**Câu 35:** Số lượng cảng biển của nước ta hiện nay là hơn:

A. 60 B. 70 C. 80 D. 90

**Câu 36:** Vùng có nhiều tỉnh giáp biển Đông nhất là

A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 37:** Vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam rộng khoảng

A. 0.5 triệu km². B. 1 triệu km² . C. 2 triệu km². D. 2.5 triệu km².

**Câu 38:** Vùng nội thủy nước ta được xác định

A. từ ranh giới đường bờ biển ra đến đường cơ sở.

B. từ ranh giới đường bờ biển ra đến vùng lãnh hải.

C. từ ranh giới đường bờ biển ra đến vùng quốc tế.

D. từ ranh giới đường bờ biển ra đến vùng tiếp giáp lãnh hải.

**Câu 39:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 11,nhóm đất phù sa ở Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở:

A. Đồng Tháp Mười ,Hà Tiên ,vùng trũng Cà Mau.

B. dọc sông Tiền và sông Hậu (trừ phần hạ lưu sông)

C. hạ lưu sông Tiền và sông Hậu

D. ven biển Đông và vịnh Thái Lan.

**Câu 40:** Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam trang 12, chim yến có nhiều trên các đảo đá ven bờ biển nước ta , thuộc tỉnh:

A. Ninh Thuận B. Khánh Hòa.

C. Bình Thuận D. Bà rịa -Vũng tàu